

Kinh tế và Dự báo

ECONOMY AND FORECAST REVIEW

MỤC LỤC

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Tổng Biên tập

ThS. NGUYỄN LỆ THỦY

Phó Tổng Biên tập

ThS. ĐỖ THỊ PHƯƠNG LAN

Hội đồng Biên tập

TS. CAO VIỆT SINH

PGS, TS. LÊ QUỐC LÝ

PGS, TS. BÙI TẮT THẮNG

TS. NGUYỄN ĐÌNH CUNG

PGS, TS. NGUYỄN HỒNG SƠN

GS, TS. TRẦN THỌ ĐẠT

PGS, TS. TRẦN ĐÌNH THIÊN

PGS, TS. NGUYỄN ĐÌNH THỌ

PGS, TS. NGUYỄN TIẾN DŨNG

TS. VƯƠNG QUÂN HOÀNG

PGS, TS. LÊ XUÂN ĐÌNH

PGS, TS. TRẦN TRỌNG NGUYỄN

Tòa soạn và trị sự

65 Văn Miếu - Đống Đa - Hà Nội

Tel: 080.43174 / 080.44474

Fax: 024.3747.3357

Email: kinhtedubao@mpi.gov.vn

Tạp chí điện tử

<http://kinhtevadubao.vn>

Quảng cáo và phát hành

Tel: 080.48310 / 0983 720 868

Qua mạng lưới Bưu điện Việt Nam

Giấy phép xuất bản: 115/GP-BTTTT

In tại: Công ty CP in Công đoàn Việt Nam

Giá 25.000 đồng

Phan Thị Thu Hằng, Võ Thị Thuý Hằng: Nghiên cứu tác động của đa dạng hóa thu nhập đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại Việt Nam	3
Nguyễn Văn Đức, Nguyễn Khắc Anh Duy: Khả năng sinh lời của các công ty chứng khoán Việt Nam trước và trong thời kỳ dịch Covid-19	7
Phan Huy Cường, Bùi Văn Trinh: Các nhân tố ảnh hưởng đến động lực làm việc của người lao động tại các đơn vị kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long	11
Quách Kim Hân, Nguyễn Thiện Phong, Nguyễn Thanh Thiên: Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ vay của học sinh, sinh viên tại Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam Chi nhánh TP. Cần Thơ	15
Nguyễn Thái Bình, Vũ Hoàng Ngân: Ảnh hưởng của thực hành quản trị nhân lực đến hành vi đổi mới của người lao động trong các công ty thuộc Bộ Công an	19
Nguyễn Thị Minh Phương: Nghiên cứu phát triển du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Bạch Mã, tỉnh Thừa Thiên Huế	23
Lê Thị Thu Diễm, Võ Minh Nhựt: Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ hấp dẫn đầu tư của tỉnh Trà Vinh đối với các nhà đầu tư	27
Phạm Thuý Hương: Ảnh hưởng của các nhân tố phi tài chính đến sự hài lòng của giáo viên các trường phổ thông công lập	31
Nguyễn Văn Song, Chu Thị Hoài Thu, Nguyễn Quảng Nam, Thái Văn Hà: Ảnh hưởng của du lịch đến thu nhập của hộ dân trên địa bàn huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	35
Nguyễn Thị Kim Anh, Phạm Phú Phương Phương: Du lịch nông nghiệp tại huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa	39
Nguyễn Thị Thu Hằng, Nguyễn Thị Mơ: Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn hệ thống WMS trong vận hành và quản lý kho hàng	43
Trương Thị Cẩm Anh, Hồ Ngọc Ninh: Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định tham gia hoạt động du lịch của các hộ dân tộc thiểu số ở huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La	47
Lê Thu Hạnh, Đinh Thị Thu Phương: Những nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của nhân viên tại Công ty TNHH Nin Sing Logistics (Ninja Van) Chi nhánh Hà Nội	51
Nguyễn Bảo Ngọc: Các yếu tố ảnh hưởng tới dịch vụ thuê nhà ở của sinh viên trên địa bàn quận Cầu Giấy - TP. Hà Nội	55
Phạm Thị Tân, Phạm Bảo Dương: Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến sinh kế người dân tộc thiểu số huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình	60
Huỳnh Văn Đặng: Các nhân tố ảnh hưởng đến hứng thú học tập của sinh viên trong bối cảnh hiện nay	64
Võ Thy Trang, Nguyễn Đắc Dũng, Nông Thị Minh Ngọc: Thu hút người trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện ở Thái Nguyên	68
Mai Thị Anh Đào: Tác động của nguồn lực doanh nhân đến khởi sự kinh doanh thành công của doanh nhân nữ trong các DNNVV ở Việt Nam	72
Nguyễn Quốc Cường: Đánh giá hoạt động thu hút đầu tư của doanh nghiệp tư nhân vào tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2017-2021	76
Nguyễn Thanh Vân, Thái Phương Nam: Nghiên cứu các yếu tố về chất lượng dịch vụ tác động đến lòng trung thành khách hàng: Trường hợp tại VNPT khu vực miền Nam	80
Lê Thị Nguyệt Nga: Những nhân tố ảnh hưởng tới quản lý thu ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang	84
Bùi Minh Thủy: Vận dụng lý thuyết đường cong môi trường Kuznets trong nghiên cứu mối quan hệ giữa môi trường và tăng trưởng kinh tế	88
Nguyễn Thanh Quân, Nguyễn Ngọc Yến Nhi: Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ xe buýt tại TP. Hồ Chí Minh	91
Võ Thị Thủy Linh: Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ của Bách hóa Xanh tại TP. Hồ Chí Minh	95
Bùi Thị Minh Hoa: Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua sắm trực tuyến đối với mặt hàng đồ gia dụng: Nghiên cứu tại thị trường Hà Nội	99
Nguyễn Minh Phương: Phát triển tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại Việt Nam - Nghiên cứu tại Vietcombank	104
Phạm Thị Huyền, Phan Thùy Anh, Trịnh Phương Anh, Mai Xuân Bách, Lê Quỳnh Chi: Nhận thức về rủi ro thông tin và hành vi chia sẻ thông tin trên các nền tảng mạng xã hội	108
Nguyễn Thị Phương Linh, Nguyễn Văn Hậu, Bùi Thị Thanh Huyền: Tác động của Khu công nghệ cao Hòa Lạc và Đại học Quốc gia Hà Nội đến kinh tế - xã hội khu vực lân cận	113
Cao Thanh Bình: Mối quan hệ giữa văn hóa tổ chức, hành vi chia sẻ tri thức và hiệu quả công việc của nhân viên ngân hàng: Trường hợp nghiên cứu các ngân hàng thương mại cổ phần tại TP. Hồ Chí Minh	117
Trần Thị Ngọc Lan: Các yếu tố tác động đến sự hài lòng của sinh viên đối với chất lượng dịch vụ thư viện của Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh	121
Trần Thị Thanh Hà, Dương Văn Mạnh: Đánh giá mức sống dân cư theo hướng bền vững đối với cấp tỉnh ở Việt Nam	125
Nguyễn Tú Anh: Lý thuyết kinh tế - xã hội về tổ chức trong khoa học quản lý	129
Trần Tuấn Việt: Đánh giá chất lượng đội ngũ công chức cấp xã phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tại các huyện trên địa bàn tỉnh Hòa Bình	133
Quan Minh Nhựt: Thực trạng đầu tư và khai thác công nghệ sản xuất của các doanh nghiệp chế biến, chế tạo trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long	137
Huỳnh Thanh Mộng, Đinh Hoàng Anh Tuấn, Võ Khắc Trường Thanh: Phân tích các yếu tố tác động đến ý định tham gia BHXH tự nguyện của nông dân và lao động khu vực phi chính thức tại huyện Hàm Thuận Nam, Bình Thuận	141

Kinh tế và Dự báo

ECONOMY AND FORECAST REVIEW

IN THIS ISSUE

PRESS OFFICE OF
MINISTRY OF PLANNING AND INVESTMENT

Editor-in-Chief

MSc. NGUYEN LE THUY

Deputy Editor-in-Chief

MA. DO THI PHUONG LAN

Editorial Board

Dr. CAO VIET SINH

Assoc. Prof. Dr. LE QUOC LY

Assoc. Prof. Dr. BUI TAT THANG

Dr. NGUYEN DINH CUNG

Assoc. Prof. Dr. NGUYEN HONG SON

Prof. Dr. TRAN THO DAT

Assoc. Prof. Dr. TRAN DINH THIEN

Assoc. Prof. Dr. NGUYEN DINH THO

Assoc. Prof. Dr. NGUYEN TIEN DUNG

Dr. VUONG QUAN HOANG

Assoc. Prof. Dr. LE XUAN DINH

Assoc. Prof. Dr. TRAN TRONG NGUYEN

Editorial Board Office

65 Van Mieu Street

Dongda District - Ha Noi

Tel: 080.43174 / 080.44474

Fax: 024.3747.3357

Email: kinhthedubao@mpi.gov.vn

Electronic magazine

http://kinhtevadubao.vn

Advertisement & Issue

Tel: 080.48310 / 0983 720 868

Released via VNPost

Publishing license: 115/GP-BTTTT

Printed at Cong Doan Vietnam printing JSC

Price 25.000 VND

Phan Thi Thu Hang, Vo Thi Thuy Hang: A study on the impact of income diversification on the performance of Vietnamese commercial banks.....	3
Nguyen Van Duc, Nguyen Khac Anh Duy: Profitability of Vietnamese securities companies before and during the Covid-19 pandemic.....	7
Phan Huy Cuong, Bui Van Trinh: Factors affecting work motivation of employees at petrol and oil trading units in Vinh Long province	11
Quach Kim Han, Nguyen Thien Phong, Nguyen Thanh Thien: Factors influencing students' loan repayment ability towards Vietnam Bank for Social Policies - Can Tho city branch.....	15
Nguyen Thai Binh, Vu Hoang Ngan: Influence of human resource management practice on innovative behavior of employees in companies under the Ministry of Public Security	19
Nguyen Thi Minh Phuong: A research on the development of ecotourism in Bach Ma National Park, Thua Thien Hue province.....	23
Le Thi Thu Diem, Vo Minh Nhut: Analysis of factors affecting the attractiveness of Tra Vinh province to investors.....	27
Pham Thuy Huong: Influence of non-financial factors on teacher satisfaction in public high schools	31
Nguyen Van Song, Chu Thi Hoai Thu, Nguyen Quang Nam, Thai Van Ha: Impact of tourism on the income of households in Hoa Lu district, Ninh Binh province	35
Nguyen Thi Kim Anh, Pham Phu Phuong Phuong: Agritourism in Dien Khanh district, Khanh Hoa province.....	39
Nguyen Thi Thu Hang, Nguyen Thi Mo: Determinants of the decision to choose WMS in the operation and management of warehouse.....	43
Truong Thi Cam Anh, Ho Ngoc Ninh: Factors affecting the decision to participate in tourism activities of ethnic minority households in Bac Yen district, Son La province	47
Le Thu Hanh, Dinh Thi Thu Phuong: Factors affecting employee satisfaction with Nin Sing Logistics Co., Ltd (Ninja Van) - Hanoi branch.....	51
Nguyen Bao Ngoc: Factors impacting housing rental services of students in Cau Giay district, Hanoi city	55
Pham Thi Tan, Pham Bao Duong: Impact of the Covid-19 pandemic on the livelihoods of ethnic minorities in Mai Chau district, Hoa Binh province	60
Huynh Van Dang: Factors affecting students' interest in learning in the current context	64
Vo Thy Trang, Nguyen Duc Dung, Nong Thi Minh Ngoc: Attraction of working-age people to participate in voluntary social insurance in Thai Nguyen province	68
Mai Thi Anh Dao: Impact of entrepreneurial resources on the successful entrepreneurship of women-owned SMEs in Vietnam	72
Nguyen Quoc Cuong: Evaluation of investment attraction from private enterprises to Dak Lak province during 2017-2021.....	76
Nguyen Thanh Van, Thai Phuong Nam: A research on the effect of components of service quality on customer loyalty: Case study of VNPT in the South of Vietnam	80
Le Thi Nguyet Nga: Factors affecting the management of state budget revenue through State Treasury Tan Phu Dong district, Tien Giang province	84
Bui Minh Thuy: Applying Kuznets environmental curve theory in studying the relationship between environment and economic growth.....	88
Nguyen Thanh Quan, Nguyen Ngoc Yen Nhi: Determinants of customer satisfaction with bus services in Ho Chi Minh City.....	91
Vo Thi Thuy Linh: Determinants of customer satisfaction with service quality of Bach Hoa Xanh in Ho Chi Minh City.....	95
Bui Thi Minh Hoa: Determinants of online shopping decision for household goods in Hanoi market	99
Nguyen Minh Phuong: Boosting green credit in Vietnamese commercial banks - The case of Vietcombank	104
Pham Thi Huyen, Phan Thuy Anh, Trinh Phuong Anh, Mai Xuan Bach, Le Quynh Chi: Information risk perception and information-sharing behavior across social networks	108
Nguyen Thi Phuong Linh, Nguyen Van Hau, Bui Thi Thanh Huyen: Impact of Hoa Lac Hi-Tech Park and Vietnam National University, Hanoi on the socio-economic issues in the nearby area.....	113
Cao Thanh Binh: The relationship between organizational culture, knowledge sharing and job performance of bank employees in joint stock commercial banks in Ho Chi Minh City.....	117
Tran Thi Ngoc Lan: Factors affecting student satisfaction with service quality of library of Ho Chi Minh City University of Food Industry	121
Tran Thi Thanh Ha, Duong Van Manh: Assessment of sustainable living standards at provincial level in Vietnam.....	125
Nguyen Tu Anh: Socio-economic theory of organization in management science	129
Tran Tuan Viet: Evaluating quality of the contingent of commune-level civil servants serving socio-economic development in districts of Hoa Binh province	133
Quan Minh Nhut: Reality of investment and exploitation of production technology of processing and manufacturing enterprises in Vinh Long province	137
Huynh Thanh Mong, Dinh Hoang Anh Tuan, Vo Khac Trung Thanh: Analysis of factors affecting the intention to participate in voluntary social insurance of farmers and informal workers in Ham Thuan Nam district, Binh Thuan.....	141

Nhận thức về rủi ro thông tin và hành vi chia sẻ thông tin trên các nền tảng mạng xã hội

PHẠM THỊ HUYỀN*
PHAN THÙY ANH**
TRỊNH PHƯƠNG ANH***
MAI XUÂN BÁCH****
LÊ QUỲNH CHI*****

Tóm tắt

Bài viết nghiên cứu ảnh hưởng của nhận thức về rủi ro thông tin tới hành vi chia sẻ thông tin trên mạng xã hội (MXH) của giới trẻ tại Việt Nam. Trên cơ sở mô hình được tổng hợp từ các nghiên cứu trước đó, một cuộc khảo sát với 391 học sinh, sinh viên được thực hiện qua đường link online, gửi tới các hội nhóm trên Facebook và các trang fanpage của các trường. Kết quả nghiên cứu cho thấy, những người có nhận thức cao về những rủi ro thông tin có xu hướng thận trọng trong hành vi chia sẻ thông tin trên MXH. Trong đó, sự khác biệt về giới tính có tạo nên sự khác biệt trong hành vi chia sẻ thông tin của các nhóm người dùng MXH. Ngoài ra, không có nhiều sự khác biệt trong hành vi chia sẻ thông tin giữa các nhóm người dùng MXH đến từ các độ tuổi khác nhau. Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất các khuyến nghị cho giới trẻ và các bên liên quan nhằm nâng cao nhận thức về bảo mật thông tin trên MXH.

Từ khóa: rủi ro thông tin, hành vi chia sẻ thông tin, mạng xã hội

Summary

This paper studies the influence of information risk perception on information-sharing behavior across social networks of young people in Vietnam. Based on the model synthesized from previous studies, a survey of 391 students is conducted via an online link sent to groups on Facebook and fan pages of schools. The results show that people with high awareness of information risks tend to be cautious in sharing information on social networks. In particular, the difference in gender makes a difference in information-sharing behavior among groups. Besides, there is little difference in information-sharing behavior in term of age. From those findings, the authors propose recommendations for young people and stakeholders to raise awareness of information security on social networks.

Keywords: information risk, information-sharing behavior, social network

GIỚI THIỆU

Với sự phát triển của internet, MXH đã trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống giới trẻ, với những tính năng phục vụ đời sống xã hội, học tập và công việc như: nhắn tin, gọi điện, chia sẻ thông tin... kết nối với bạn bè, gia đình và cộng đồng dưới hình thức trực tuyến. Khi MXH ngày càng lớn mạnh, bên cạnh sự tiện ích thì câu chuyện về dữ liệu - thông tin cá nhân cũng trở thành một trong những mối quan tâm hàng đầu của người dùng. Trong thực tế, quá trình tham gia các ứng dụng trên MXH, các thông tin cá nhân của

người sử dụng chia sẻ các thông tin cá nhân của người dùng trên MXH sẽ được lưu trữ trên hệ thống cơ sở dữ liệu và bị các nhà cung cấp sử dụng với nhiều mục đích khác nhau. Đáng nói hơn, nhiều vụ bê bối rò rỉ dữ liệu đến từ những nền tảng lớn, như: Facebook, Twitter, WhatsApp... đã là hồi chuông cảnh báo về những mối đe dọa bảo mật thông tin trên MXH. Chính vì vậy, việc người dùng nhận thức về rủi ro thông tin trên các nền tảng MXH là vô cùng thiết thực,

* Tổ bộ môn Marketing, Trường Đại học Kinh tế quốc dân

** , ** , ** , ** , ** , Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Ngày nhận bài: 27/7/2022; Ngày phản biện: 25/9/2022; Ngày duyệt đăng: 28/9/2022

để từ đó có các biện pháp thích hợp điều chỉnh hành vi sử dụng MXH nói riêng và bảo mật thông tin cá nhân của bản thân trên không gian mạng nói chung.

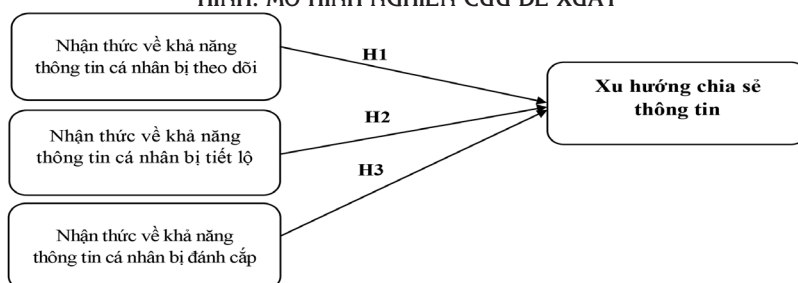
CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

MXH là nền tảng trực tuyến nơi người dùng có thể tạo hồ sơ và xây dựng mạng cá nhân kết nối họ với những người dùng khác (Enrique Echeburúa, 2013). Về nguyên tắc, người dùng MXH thường phải đồng ý công bố một phần thông tin để xác lập thông tin cá nhân và tài khoản, phải chia sẻ tình trạng hiện tại để được quyền tham gia một trang MXH, một cộng đồng xã hội nào đó. Chính vì thế, MXH đã trở thành nơi có thể cung cấp rất nhiều thông tin cá nhân, bao gồm cả những thông tin mà người dùng tự tiết lộ và những thông tin mà người dùng bị tiết lộ thông qua những hành vi chia sẻ thông tin cá nhân.

Các hành vi sử dụng MXH bao gồm: kết nối, chia sẻ, tìm kiếm nội dung và phổ biến thông tin (Fabrício Benevenuto, 2009). Trong đó, hành vi chia sẻ thông tin (tự tiết lộ) là hành động của một cá nhân để lộ thông tin cá nhân và các thông tin khác (được yêu cầu cung cấp) để xây dựng mối quan hệ giữa các cá nhân trên nền tảng dịch vụ MXH (Wenxi Pu và cộng sự, 2022). Tuy nhiên, đối với người sử dụng MXH, việc chia sẻ cuộc sống và trải nghiệm cá nhân của họ trên các nền tảng MXH sẽ tăng cường kết nối của họ và tạo điều kiện giao tiếp với những người khác - nhu cầu này sẽ ngày càng gia tăng bởi tính tiện ích của nó. Như vậy, việc sử dụng MXH luôn tồn tại một số rủi ro tiềm tàng, như: rủi ro về quyền riêng tư có thể là đánh cắp danh tính, mất tự do, đe dọa đến an toàn cá nhân, xâm phạm khu vực riêng tư, đối xử bất công hoặc tổn thất tài chính (Isabelle Oomen và Ronald Leenes, 2008). Từ những rủi ro tiềm tàng khi dùng MXH, Ankit Kumar Jain và cộng sự (2021) phân loại rủi ro khi chia sẻ thông tin trên MXH thành 3 nhóm chính là: rủi ro thông thường, rủi ro hiện đại và rủi ro hướng mục tiêu. Theo đó, (i) Những rủi ro thông thường là những mối đe dọa vẫn luôn tồn tại khi sử dụng MXH, gồm có: thư rác, phần mềm độc hại, giả mạo, đánh cắp danh tính; (ii) Những rủi ro hiện đại được hiểu là những

HÌNH: MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT



Nguồn: Nhóm tác giả nghiên cứu đề xuất

BẢNG 1: THANG ĐO CỦA CÁC BIẾN TRONG MÔ HÌNH

STT	Mã hóa	Biến/Thang đo
1	APS	Nhận thức về khả năng thông tin bị đánh cắp
	APS1	Tôi lo lắng việc đưa thông tin cá nhân lên MXH tạo điều kiện cho tội phạm đánh cắp dữ liệu cá nhân.
	APS2	Tôi lo lắng việc cung cấp thông tin cá nhân của tôi cho các nền tảng MXH có thể khiến bản thân dính vào các vụ lừa đảo trong tương lai.
	APS3	Tôi lo lắng khả năng bảo mật của các nền tảng MXH sẽ dẫn đến việc rò rỉ thông tin cá nhân của người dùng.
2	APD	Nhận thức về khả năng thông tin bị tiết lộ
	APD1	Tôi lo lắng việc các mục và bài đăng trên MXH của tôi có thể được bán cho các bên thứ ba.
	APD2	Tôi lo lắng việc thông tin cá nhân của tôi có thể được cung cấp cho các cá nhân hoặc công ty không xác định mà tôi không biết.
	APD3	Tôi lo lắng việc các trang MXH tạo điều kiện cho các bên thứ 3 thu thập thông tin cá nhân người dùng.
3	APT	Nhận thức về khả năng thông tin bị theo dõi
	APT1	Tôi lo lắng hoạt động của mình bị các nền tảng MXH theo dõi và kiểm soát.
	APT2	Tôi lo lắng việc thông tin cá nhân bị bên thứ ba theo dõi.
	APT3	Tôi lo lắng người khác có thể tìm kiếm các thông tin cá nhân của mình thông qua MXH.
4	SHARE	Nhận thức về khả năng thông tin bị theo dõi
	SHARE1	Tôi tiết lộ rất ít thông tin về tôi trên MXH.
	SHARE2	Tôi chưa từng tiết lộ thông tin định danh của mình trên MXH (căn cước công dân, số tài khoản ngân hàng...).
	SHARE3	Tôi hiếm khi chia sẻ trạng thái, ảnh, video trên MXH.
	SHARE4	Tôi hiếm khi đặt chế độ Public (công khai) với các bài viết và tương tác trên MXH.
	SHARE5	Tôi thường xuyên quan tâm tới các chế độ riêng tư khi chia sẻ thông tin, bài viết trên MXH.
	SHARE6	Tôi sử dụng linh hoạt các chế độ riêng tư khác nhau với mỗi bài viết, tương tác trên MXH.

Nguồn: Nghiên cứu của nhóm tác giả

cuộc tấn công sử dụng kỹ thuật tiên tiến để xâm nhập vào tài khoản của người dùng, như: không tặc, tấn công suy luận, lỗ hổng bảo mật trang web...; (iii) Những rủi ro hướng mục tiêu được thể hiện ra bằng các vấn đề mà người dùng có thể gặp phải, như: mất tự do, đe dọa đến an toàn cá nhân, bối ngụy cơ khi mọi hành động, hành trình đều có thể bị tiết lộ.

Mô hình đề xuất

Dựa trên nghiên cứu của Tobias và Stefan (2019) xác định có 3 yếu tố ảnh hưởng đến hành vi chia sẻ thông tin trên MXH và kế thừa các kết quả nghiên

BẢNG 2: KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH ĐỘ TIN CẬY CỦA THANG ĐO

Biến quan sát	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến - tổng	Cronbach's Alpha nếu loại bỏ biến
Hành vi chia sẻ thông tin trên MXH (SHARE) Cronbach's Alpha = 0,770				
SHARE1	20,72	11,864	0,468	0,747
SHARE2	20,98	11,697	0,444	0,753
SHARE3	20,84	11,511	0,523	0,734
SHARE4	20,75	10,578	0,610	0,710
SHARE5	20,78	10,594	0,622	0,707
SHARE6	20,91	11,157	0,433	0,760
Nhận thức về khả năng thông tin bị đánh cắp (APS) Cronbach's Alpha = 0,850				
APS1	8,63	2,361	0,760	0,752
APS2	8,61	2,438	0,724	0,787
APS3	8,51	2,656	0,677	0,830
Nhận thức về khả năng thông tin bị tiết lộ (APD) Cronbach's Alpha = 0,881				
APD1	8,54	2,674	0,724	0,875
APD2	8,45	2,720	0,783	0,820
APD3	8,46	2,701	0,806	0,801
Nhận thức về khả năng thông tin bị theo dõi (APT) Cronbach's Alpha = 0,830				
APT1	8,40	2,723	0,737	0,717
APT2	8,41	2,873	0,698	0,757
APT3	8,53	2,619	0,639	0,822

BẢNG 3: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH TƯƠNG QUAN PEARSON

		Khả năng thông tin cá nhân bị đánh cắp	Khả năng thông tin cá nhân bị tiết lộ	Khả năng thông tin cá nhân bị theo dõi
Hành vi chia sẻ thông tin	Pearson Correlation	0,679**	0,716**	0,598**
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000	0,000
	N	391	391	391

Nguồn: Kết quả tính toán của nhóm tác giả

cứu về phân loại rủi ro khi chia sẻ thông tin trên MXH trước đó, nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu như Hình.

Các giả thuyết nghiên cứu được đặt ra như sau:

H1: Nhận thức về khả năng thông tin cá nhân bị theo dõi có ảnh hưởng tích cực đến Hành vi chia sẻ thông tin trên MXH.

H2: Nhận thức về khả năng thông tin cá nhân bị tiết lộ có ảnh hưởng tích cực đến Hành vi chia sẻ thông tin trên MXH.

H3: Nhận thức về khả năng thông tin cá nhân bị đánh cắp có ảnh hưởng tích cực đến Hành vi chia sẻ thông tin trên MXH.

Mô hình nghiên cứu các nhân tố nhận thức ảnh hưởng đến xu hướng chia sẻ thông tin trên MXH được thực hiện qua 3 biến độc lập với 9 thang đo (Bảng 1).

Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu thực hiện gửi 405 phiếu khảo sát tới người sử dụng MXH là học sinh, sinh viên theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên - thuận tiện thông qua kỹ thuật gửi phiếu trên nền tảng trực tuyến Google Forms từ ngày 01/06/2022 đến ngày 20/06/2022. Kết quả thu về được 391 phiếu có giá trị trong phân tích và được

đưa vào nghiên cứu chính thức. Thang đo Likert 5 cấp độ cho phép một loạt các lựa chọn từ “Hoàn toàn không đồng ý” tới “Hoàn toàn đồng ý” được sử dụng trong nghiên cứu. Dữ liệu được mã hóa và đưa vào phần mềm SPSS 22.0 và RStudio để phân tích.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kết quả kiểm định thang đo

Đánh giá độ tin cậy của thang đo được thực hiện qua kiểm định hệ số Cronbach's Alpha. Kết quả phân tích cho thấy, 3 thang đo biến độc lập với 9 biến quan sát và thang đo biến phụ thuộc (SHARE) > 0,6 (Bảng 2) và hệ số tương quan biến tổng đều > 0,3. Điều đó chứng tỏ rằng, các biến trong thang đo khá gắn kết với nhau và đảm bảo độ tin cậy cao. Do đó, các thang đo và biến quan sát sẽ tiếp tục được sử dụng trong bước tiếp theo của phân tích EFA.

BẢNG 4: KẾT QUẢ HỒI QUY TUYẾN TÍNH ĐA BIẾN

Mô hình		Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy chuẩn hóa	t	Sig.
		B	Std. Error	Beta		
R Square = 0,556 Adjusted R Square = 0,553	Hằng số	1,323	0,135		9,777	0,000
	Khả năng thông tin cá nhân bị đánh cắp	0,274	0,046	0,317	5,987	0,000
	Khả năng thông tin cá nhân bị tiết lộ	0,379	0,052	0,461	7,278	0,000
	Khả năng thông tin cá nhân bị theo dõi	0,014	0,047	0,017	0,305	0,761

Nguồn: Kết quả tính toán của nhóm tác giả

Kết quả phân tích EFA

Khi phân tích EFA đối với biến phụ thuộc Hành vi chia sẻ thông tin trên MXH để xem xét sự hội tụ cũng như loại bỏ đi những biến quan sát giúp cải thiện kết quả nghiên cứu. Kết quả cho thấy, hệ số KMO = 0,663 ($> 0,5$) cho biết EFA được sử dụng. Chỉ có 1 nhân tố được trích có Eigenvalue = 1,522 (> 1), nhân tố này giải thích được 72,472% biến thiên dữ liệu của 6 biến quan sát. Ngoài ra, việc chỉ trích được 1 nhân tố cũng cho thấy, thang đo đảm bảo được tính đơn hướng, các biến quan sát của biến này hội tụ khá tốt. Hệ số tải nhân tố (factor loading) của toàn bộ 6 biến quan sát đều $> 0,5$, cho thấy chúng có ý nghĩa thống kê tốt.

Kết quả xem xét mối tương quan giữa rủi ro thông tin và hành vi chia sẻ trên các nền tảng MXH

Kết quả phân tích tương quan Pearson cho thấy, giá trị Sig. đối với cả 3 biến đều $< 0,01$. Như vậy, hệ số tương quan Pearson có ý nghĩa thống kê và cho biết rằng, các cặp biến đều có sự tương quan tuyến tính ở mức tin cậy đến 99%. Hệ số tương quan Pearson của 3 biến độc lập: “Khả năng thông tin cá nhân bị đánh cắp”; “Khả năng thông tin cá nhân bị tiết lộ”; “Khả năng thông tin cá nhân bị theo dõi” với biến phụ thuộc “Hành vi chia sẻ thông tin” lần lượt là 0,679, 0,716 và 0,598 (Bảng 3). Vì thế, giữa biến “Hành vi chia sẻ thông tin” với lần lượt các biến “Khả năng thông tin cá nhân bị đánh cắp”, “Khả năng thông tin cá nhân bị tiết lộ”, “Khả năng thông tin cá nhân bị theo dõi” có mối tương quan thuận chiều tương đối chặt chẽ.

Nói cách khác, những người có nhận thức rõ ràng về các rủi ro bảo mật thông tin sẽ có xu hướng chia sẻ thông tin trên MXH một cách thận trọng và có kiểm soát. Ngược lại, những cá nhân có xu hướng ít bộc lộ trong việc chia sẻ thông

tin cũng là người có nhận thức cao về các khả năng thông tin cá nhân bị đánh cắp, tiết lộ hoặc theo dõi.

Kết quả phân tích hồi quy tuyến tính đa biến

Kiểm định t dùng để kiểm tra biến độc lập có tác động trong mô hình hồi quy hay không, kết quả cho thấy, Sig. của kiểm định t với 2 biến độc lập Khả năng thông tin cá nhân bị đánh cắp và Khả năng thông tin cá nhân bị tiết lộ $< 0,05$ (độ tin cậy 95%), nên hệ số hồi quy của 2 biến này là có ý nghĩa thống kê (Bảng 4). Ngược lại, Sig. của kiểm định t với biến độc lập Khả năng thông tin cá nhân bị theo dõi = 0,761 ($> 0,05$), do đó, hệ số hồi quy của biến này không được sử dụng. Hệ số B của biến Khả năng thông tin cá nhân bị đánh cắp và Khả năng thông tin cá nhân bị tiết lộ mang dấu (+), do đó 2 biến này ảnh hưởng thuận chiều đối với Hành vi chia sẻ thông tin trên MXH. Như vậy, giả thuyết H1, H2 được chấp thuận, giả thuyết H3 bị bác bỏ. Ngoài ra, giá trị R^2 của mô hình = 0,556, nghĩa là 55,6% sự biến thiên của Hành vi chia sẻ thông tin trên MXH được giải thích bởi mô hình.

Như vậy, nhận thức về Khả năng thông tin bị đánh cắp và Khả năng thông tin bị tiết lộ có tác động thuận chiều đến Hành vi chia sẻ thông tin. Nói cách khác, người có nhận thức rõ ràng về rủi ro thông tin sẽ có xu hướng thận trọng trong hành vi chia sẻ thông tin trên MXH.

Kết quả kiểm định sự khác biệt trong hành vi chia sẻ thông tin của các nhóm người dùng MXH

Nghiên cứu thực hiện kiểm định sự khác biệt trung bình (Independent Sample T-Test) về lập luận Có sự khác biệt về Hành vi chia sẻ thông tin trên MXH giữa hai nhóm giới tính nam và nữ, kết quả Sig. (Levene test) = 0,162 $> 0,05$ và Sig. (T-test) = 0,015 $< 0,05$, nên kết luận không thể bác bỏ lập luận. Như vậy, kết quả cho thấy, có sự khác biệt mang ý nghĩa thống kê về Hành vi chia sẻ thông tin trên MXH giữa các nhóm người dùng thuộc giới tính nam và nữ.

Nghiên cứu thực hiện kiểm định One-way Anova để quan sát sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm tuổi trong Hành vi chia sẻ thông tin trên mạng xã hội. Quy trình phân tích One-way Anova, bao gồm: kiểm tra Sig. của Levene Test, từ đó quyết định dùng bảng ANOVA hoặc Robust Test để đánh giá sự khác biệt trung bình. Kiểm định cho kết quả Sig. (Levene test) = 0,077 $> 0,05$ và Sig. (ANOVA) = 0,826 $> 0,05$,

nên kết luận có thể bác bỏ. Như vậy, từ kết quả phân tích ANOVA, có thể thấy rằng, không có sự khác biệt về hành vi chia sẻ thông tin trên MXH giữa người dùng thuộc các nhóm tuổi khác nhau. Nói cách khác, yếu tố “Nhóm tuổi” không tạo ra sự khác biệt trong hành vi chia sẻ thông tin trên các nền tảng MXH.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Kết luận

Kết quả nghiên cứu chỉ ra, có mối quan hệ giữa Nhận thức về rủi ro thông tin và Hành vi chia sẻ thông tin trên các nền tảng MXH. Cụ thể, Nhận thức về khả năng thông tin bị đánh cắp và khả năng thông tin bị tiết lộ có ảnh hưởng thuận tới Hành vi chia sẻ thông tin. Nói cách khác, những người có nhận thức cao về rủi ro thông tin có xu hướng chia sẻ thông tin một cách cẩn trọng và an toàn. Nghiên cứu cũng đã chỉ ra giới trẻ sử dụng MXH để tiếp nhận thông tin nhiều hơn là chia sẻ thông tin. Đồng thời, nghiên cứu cho thấy, không có sự khác biệt trong hành vi chia sẻ thông tin giữa các nhóm tuổi. Tuy nhiên, nghiên cứu lại chứng minh được rằng, có sự khác biệt trong hành vi chia sẻ thông tin trên MXH giữa 2 nhóm người dùng nam và nữ.

Khuyến nghị

Trong thời đại kỷ nguyên số, kết nối và tương tác trên MXH dường như đã trở thành nhu cầu thiết yếu đối với mỗi người trẻ. Kéo theo đó, dữ liệu cá nhân được coi là “tài sản lớn” trên dòng chảy của xu hướng chuyển đổi số. Từ kết quả nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến hành vi chia sẻ thông tin trên MXH của giới trẻ, để góp phần nâng cao nhận thức của người dùng MXH về những rủi ro bảo mật thông tin, nhóm tác giả đưa ra những khuyến nghị sau:

Thứ nhất, người dùng MXH cần chủ động hơn trong việc nâng cao nhận thức về rủi ro thông tin, cũng như các hành động cụ thể để bảo vệ an toàn thông tin bản

thân bằng cách: Nắm rõ các chính sách quyền riêng tư từ nhà cung cấp nền tảng; Cập nhật ứng dụng thường xuyên để được kịp thời khắc phục các vấn đề từ phiên bản trước; Kiểm tra chế độ riêng tư kỹ lưỡng trước khi đăng tải bất cứ thông tin nào...

Thứ hai, giới trẻ nên cân nhắc thời lượng sử dụng MXH một cách hợp lý để tránh sự phụ thuộc, cũng như hạn chế việc vô tình tiết lộ thông tin qua các hoạt động tương tác trong quá trình sử dụng các nền tảng, đặc biệt là Facebook và Instagram.

Thứ ba, các nền tảng MXH cần cam kết cụ thể về năng lực bảo mật thông tin người dùng, đưa ra các chính sách về quyền riêng tư một cách minh bạch, dễ hiểu và rõ ràng nhất đối với người sử dụng. Ngoài ra, cần phát hiện kịp thời những lỗ hổng bảo mật, liên tục cải thiện các cài đặt riêng tư để tránh những nguy cơ rò rỉ dữ liệu người dùng.

Thứ tư, nhà trường nên bổ sung những bài giảng về rủi ro thông tin và hướng dẫn về các hành vi sử dụng MXH an toàn vào trong các giờ học, đặc biệt là môn Tin học, nhằm nâng cao nhận thức của học sinh, sinh viên một cách chính thống về an ninh mạng.

Thứ năm, các cơ quan chức năng cần có thêm những chính sách cụ thể liên quan đến quyền và nghĩa vụ của người dùng và nhà cung cấp. Đặc biệt, nghiêm túc thực thi các chính sách, bộ luật về an ninh mạng hiện có, xử lý kịp thời các vi phạm để thắt chặt an toàn không gian mạng. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Benevenuto F., Tiago R., Meeyoung C., Virgílio A. (2009). *Characterizing user behavior in online social networks*, IMC 09, ISBN 9781605587714
2. Enrique Echeburúa (2013). Chapter 92 - Overuse of Social Networking, Editor(s): Peter M. Miller, *Principles of Addiction*, Academic Press, 911-920, ISBN 9780123983367
3. Jain A.K., Sahoo S.R., Kaubiyal, J. (2021). Online social networks security and privacy: comprehensive review and analysis, *Complex Intell Syst*, 7, 2157-2177. DOI: 10.1007/s40747-021-00409-7
4. Oomen I., Leenes R. (2008). *Privacy Risk Perceptions and Privacy Protection Strategies*. In: de Leeuw E., Fischer-Fischer-Hübner S., Tseng J., Borking J. (eds) *Policies and Research in Identity Management*, The International Federation for Information Processing, 261, Springer, Boston, MA, ISBN 9780387779966
5. Pu W., Li S., Bott G. J., Esposito M., and Thatcher J. B. (2022). To Disclose or Not to Disclose: An Evaluation of the Effects of Information Control and Social Network Transparency, *Computers & Security*, 112(Complete), ISSN 0167-4048
6. Tobias Kroll and Stefan Stieglitz (2021). Digital nudging and privacy: improving decisions about self-disclosure in social networks, *Behaviour & Information Technology*, 40(1), 1-19, DOI: 10.1080/0144929X.2019.1584644